

Số: **22** /NQ-HĐND

Hà Nam, ngày **02** tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về giao biên chế công chức và tổng biên chế sự nghiệp năm 2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của liên bộ: Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2548/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh về giao biên chế công chức và tổng biên chế sự nghiệp tỉnh Hà Nam năm 2016; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao biên chế công chức và tổng biên chế sự nghiệp năm 2016, cụ thể như sau:

1. Tổng biên chế công chức năm 2016: **1.458** chỉ tiêu
 - a. Giao cho các cơ quan, đơn vị: **1.412** chỉ tiêu
 - b. Dự phòng: **46** chỉ tiêu

2. Tổng biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2016 là: **15.666** chỉ tiêu.

a. Giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập: **13.205** chỉ tiêu. Trong đó:

+ Lĩnh vực giáo dục - đào tạo: **10.335** chỉ tiêu.

+ Lĩnh vực y tế: **1987** chỉ tiêu.

+ Lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao: **343** chỉ tiêu.

+ Lĩnh vực khác: **540** chỉ tiêu.

b. Dự phòng: **2.461** chỉ tiêu.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

2. Điều 1 Nghị quyết này thay thế Điều 2 Nghị quyết số 17/2015/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XVII, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 02 tháng 12 năm 2015./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Nội vụ; Tài chính;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh,
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Tiến Dũng

DANH SÁCH GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ TỔNG BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số: **22/NQ-HĐND** ngày 02/12/2015 của HĐND tỉnh Hà Nam)



Số TT	Đơn vị	Chi tiêu công chức	Chi tiêu viên chức sự nghiệp					Tổng số
			Tổng BC sự nghiệp	Sự nghiệp GD-ĐT	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp VHHT	Sự nghiệp khác	
	A	1	2=(3+4+5+6)	3	4	5	6	(1+ 2)
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh	25						25
2	Văn phòng UBND tỉnh	50	4				4	54
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	51	54				54	105
4	Sở Khoa học và công nghệ	30	14				14	44
5	Sở Tư pháp	33	29				29	62
6	Sở Tài chính	50	15				15	65
7	Sở Y tế	62	1992	90	1902			2054
8	Sở Giáo dục- đào tạo	46	1627	1627				1673
9	Sở Xây dựng	34	17				17	51
10	Sở Giao thông vận tải	54	4				4	58
11	Sở Lao động-TB&XH	54	265	126			139	319
12	Sở Kế hoạch và đầu tư	37	7				7	44
13	Sở Nông nghiệp &PTNT	129	127				127	256
14	Sở Văn hóa- Thể thao& Du lịch	46	139			139		185
15	Sở Công thương	113	20				20	133
16	Sở Thông tin và Truyền thông	22	14				14	36
17	Sở Nội vụ	55	5				5	60
18	Thanh tra tỉnh	29						29
19	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh		75			75		75
20	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh	26	2				2	28
21	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh		6			6		6
22	Hội Chữ thập đỏ tỉnh		15		15			15
23	Hội Đông y tỉnh		11		11			11
24	Liên minh các HTX tỉnh		16				16	16
25	Hội Người mù tỉnh		3				3	3
26	UBND thành phố Phủ Lý	99	1403	1353	12	25	13	1502
27	UBND huyện Bình Lục	73	1481	1447	9	18	7	1554
28	UBND huyện Duy Tiên	78	1276	1240	9	18	9	1354
29	UBND huyện Lý Nhân	73	1851	1818	8	20	5	1924
30	UBND huyện Kim Bảng	71	1400	1357	12	24	7	1471
31	UBND huyện Thanh Liêm	72	1311	1277	9	18	7	1383
32	Ban quản lý các công trình trọng điểm tỉnh		0				0	0
33	Ban quản lý phát triển khu đô thị mới		11				11	11
34	Ban quản lý phát triển khu đô thị đại học		11				11	11
Tổng		1.412	13.205	10335	1987	343	540	14.617